

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2023/KDTM-ST
Ngày: 29 - 9 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1034/2023/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1033/2023/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần O; Địa chỉ trụ sở: Số A đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Cao Thành V, sinh năm 1983, Chức danh: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số A đường B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH T; Địa chỉ trụ sở: 94 đường C, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1972, Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên; Địa chỉ: 3 đường T, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty Cổ phần O (sau đây gọi tắt là Công ty O) do ông Cao Thành V làm đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 04/02/2021, Công ty TNHH O1 (nay là Công ty TNHH O) và Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng mua sắm tấm pin NLMT số 21-02-04-039/OMEGA.BK, với nội dung nguyên đơn bán cho bị đơn 290 tấm pin năng lượng mặt trời, với đơn giá 2.867.700 đồng/tấm, giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là 831.633.000 đồng. Theo thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng thì bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn lần 1 là 20% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 166.326.600 đồng ngay sau khi ký hợp đồng và lần 2 là 80% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền 665.306.400 đồng trước ngày 06/3/2021. Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản số 1213138 tại Ngân hàng TMCP Á – Chi nhánh S, chủ tài khoản là Công ty TNHH O1.

Thực hiện hợp đồng, ngày 06/02/2021, Công ty T đã chuyển khoản cho Công ty O số 166.326.600 đồng qua tài khoản nêu trên. Ngày 08/02/2021, Công ty O đã tiến hành giao hàng đủ số lượng và chất lượng theo thỏa thuận của hợp đồng cho Công ty T và hai bên có ký xác nhận vào Biên bản giao nhận hàng hoá số BBGN-20210003 ngày 08/02/2021.

Công ty O đã giao cho Công ty Đ Khoá hồ sơ thanh toán theo thỏa thuận tại khoản 2.5 Điều 2 của Hợp đồng ngay sau khi thực hiện xong việc giao hàng. Tuy nhiên, đến ngày 06/3/2021, Công ty T không thanh toán cho Công ty O số tiền còn lại. Sau đó, hai bên có gặp gỡ trao đổi, Công ty O đồng ý cho Công ty T thanh toán số tiền còn nợ là 665.306.400 đồng thành hai đợt, đợt 1 thanh toán 500.000.000 đồng và đợt 2 thanh toán 165.306.400 đồng.

Ngày 16/4/2021, Công ty T đã thanh toán cho Công ty O số tiền 500.000.000 đồng. Sau nhiều lần nhắc nhở, Công ty T lại hứa sẽ trả số tiền còn lại thành 02 đợt: Đợt 1 thanh toán số tiền 85.000.000 đồng vào ngày 26/8/2022 và đợt 2 thanh toán số tiền 80.306.400 đồng vào ngày 09/9/2022 nhưng Công ty T vẫn không thực hiện.

Sau khi khởi kiện, ngày 20/7/2023, người đại diện theo pháp luật của Công ty O là ông Cao Thành V và người đại diện theo pháp luật của Công ty T là ông Huỳnh Thanh L có gặp gỡ, trao đổi và cùng ký xác nhận vào Bản sao biên bản thỏa thuận trả nợ ngày 20/7/2023, nội dung là hai bên thống nhất Công ty T còn nợ Công ty O số tiền là 165.306.400 đồng và thống nhất phương án trả nợ như sau: ngày 03/8/2023 thanh toán số tiền 50.000.000 đồng và ngày 03/10/2023 thanh toán số tiền 115.306.400 đồng. Tuy nhiên sau đó Công ty T vẫn không thanh toán.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn là Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua sắm tấm pin NLMT số

21-02-04-039/OMEGA.BK ngày 04/02/2021 là 165.306.400 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Toà án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự cho Công ty T nhưng phía bị đơn không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu trên.
- Đại diện bị đơn: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự, Điều 50 Luật Thương mại, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1650.306.400 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2022 của nguyên đơn, Hợp đồng mua sắm tám pin NLMT số 21-02-04-039/OMEGA.BK ngày 04/02/2021, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Do bị đơn có trụ sở tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại

khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:* Do bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại các thông báo này cũng thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện, cũng như không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua sắm tám phi NLMT số 21-02-04-039/OMEGA.BK ngày 04/02/2021 là 165.306.400 đồng.

Xét, Hợp đồng mua sắm tám pin NLMT số 21-02-04-039/OMEGA.BK ngày 04/02/2021 giữa Công ty O và Công ty T có thể xác định hình thức Hợp đồng là phù hợp với quy định Điều 24 của Luật Thương mại.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty O1 bán cho Công ty T 290 tấm pin năng lượng mặt trời, với đơn giá 2.867.700 đồng/tấm, giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là 831.633.000 đồng. Căn cứ Biên bản giao nhận hàng hóa ngày 08/02/2021 thể hiện Công ty O đã tiến hành giao đủ số lượng hàng hóa và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0000048 ngày 08/02/2021 cho Công ty T.

Căn cứ bảng sao kê giao dịch của Ngân hàng thì có cơ sở xác định ngày 06/02/2021, Công ty T đã chuyển khoản thanh toán cho Công ty O số 166.326.600 đồng; ngày 16/4/2021, Công ty T đã thanh toán số tiền 500.000.000 đồng. Do đó, số tiền Công ty T còn nợ Công ty O là 165.306.400 đồng. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 50 Luật Thương mại năm 2005 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về thời hạn và phương thức thanh toán:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật thương mại năm 2005 nên có cơ sở chấp nhận

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 165.306.400 đồng, do đó án phí công ty T phải chịu là 8.265.320 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 4.132.660 đồng (bốn triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0036975 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần O:

Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần O số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua sắm tám phi NLMT số 21-02-04-039/OMEGA.BK ngày 04/02/2021 là 165.306.400 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bốn trăm đồng).

Thời hạn thanh toán: Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Địa điểm thi hành: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.265.320 đồng (tám triệu, hai trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ tiền tạm ứng án phí là 4.132.660 đồng (bốn triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0036975 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hương